# **BÀI 1: SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC**

***(16 câu)***

## **1. NHẬN BIẾT (5 câu)**

**Câu 1:** Kể tên một số nước phát triển và nước đang phát triển mà em biết.

**Trả lời:**

*- Nước phát triển: Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Đức, Nhật Bản, Liên Bang Ngan,…*

*- Nước đang phát triển: Bra-xin, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Phi, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a…*

**Câu 2:** Quan sát *Bản đồ HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020* và kể tên các quốc gia có chỉ số HDI từ 0,8 trở lên trên thế giới.



**Trả lời:**

*Các quốc gia có chỉ số HDI từ 0,8 trở lên trên thế giới là: Hoa Kỳ, Canada, Ác-hen-ti-na, Liên bang Nga, Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Ca-dắc-xtan,…*

**Câu 3:** Quan sát *Bản đồ HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020* và kể tên các quốc gia có chỉ số HDI dưới 0.55 trên thế giới.

**Trả lời:**

*Các quốc gia có chỉ số HDI dưới 0.55 trên thế giới là: Xu-đăng, CHDC Công-gô, Tan-da-ni-a, Ê-ti-ô-pi-a, Ni-giê, Mo-ri-ta-ni,…*

**Câu 4:** Quan sát *Bản đồ HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020* và cho biết các quốc gia có chỉ số GNI bình quân đầu người trên 40 nghìn USD.

**Trả lời:**

*Các quốc gia có chỉ số GNI bình quân đầu người trên 40 nghìn USD là: Ca-na-đa (43 540), Hoa Kỳ (64 140), Ai-giơ-len (47 520), Ô-xtrây-li-a (53 680),…*

**Câu 5:** Quan sát *Bản đồ HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020* và kể tên các quốc gia có chỉ số HDI từ 0,55 đến dưới 0,699 trên thế giới.

**Trả lời:**

*Các quốc gia có chỉ số HDI từ 0,55 đến dưới 0,7 trên thế giới là: Ấn Độ, Ăng-gô-la, Na-mi-bi-a,…*

## **2. THÔNG HIỂU (4 câu)**

**Câu 1:** Các nước trên thế giới được phân chia mấy nhóm? Những chỉ tiêu nào được sử dụng để phân biệt các nhóm nước? Hãy trình bày nội dung về những chỉ tiêu đó.

**Trả lời:**

*\* Các nước trên thế giới được phân chia thành hai nhóm: các nước phát triển và các nước đang phát triển.*

*\* Có 3 chỉ tiêu được sử dụng để phân biệt nhóm nước phát triển và đang phát triển:*

*- Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người)*

*- Cơ cấu kinh tế theo ngành.*

*- Chỉ số phát triển con người (HDI).*

*\* Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người):*

*- Là chỉ tiêu quan trọng dùng để đánh giá, so sánh trình độ phát triển kinh tế và mức sống dân cư giữa các quốc gia.*

*- Dựa vào GNI?người năm 2002, Ngân hàng thế giới (WB) đã phân chia các nước thành 4 nhóm:*

*+ Thu nhập cao ( trên 12 535 USD)*

*+ Thu nhập trung bình cao (từ 4 046 đến 12 535 USD)*

*+ Thu nhập trung bình thấp (từ 1 035 đến 4 045 USD)*

*+ Thu nhập thấp (dưới 1 035 USD)*

*\* Cơ cấu kinh tế theo ngành:*

*- Phản ánh trình độ phân công lao động xã hội, thể hiện trình độ phát triển khoa học công nghệ, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất,…*

*- Được chia thành:*

*+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*

*+ Công nghiệp, xây dựng*

*+ Dịch vụ*

*\* Chỉ số phát triển con người (HDI):*

*- Phản ánh sức khỏe, giáo dục và thu nhập của con người.*

*- Là một trong những chỉ tiêu đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia*

*- Dựa vào HDI năm 2020, Liên hợp quốc phân chia các nước thành 4 nhóm:*

*+ Rất cao (từ 0,8 trở lên)*

*+ Cao (0,7 – 0,799)*

*+ Trung bình (0,55 – 0,699)*

*+ Thấp (0,549 trở xuống)*

**Câu 2:** Trình bày sự khác biệt về kinh tế của các nhóm nước trên thế giới theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhóm nước******Tiêu chí*** | ***Các nước phát triển*** | ***Các nước đang phát triển*** |
| *Quy mô, tốc độ phát triển kinh tế* |  |  |
| *Cơ cấu kinh tế* |  |  |
| *Trình độ phát triển kinh tế* |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhóm nước******Tiêu chí*** | ***Các nước phát triển*** | ***Các nước đang phát triển*** |
| *Quy mô, tốc độ phát triển kinh tế* | *- Quy mô kinh tế lớn và đóng góp lớn vào quy mô kinh tế toàn cầu.**- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ổn định.* | *- Quy mô kinh tế nhỏ và đóng góp không lớn vào quy mô kinh tế toàn cầu (trừ Trung Quốc, Ấn Độ,...).**- Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng khá nhanh.* |
| *Cơ cấu kinh tế* | *- Tiến hành công nghiệp hoá từ sớm và đi đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp.* *- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.**- Ngành dịch vụ có đóng góp nhiều nhất trong GDP.* | *- Hầu hết các nước đang phát triển đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.**- Tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ ngày càng tăng.* |
| *Trình độ phát triển kinh tế* | *- Có trình độ phát triển kinh tế cao.**- Tập trung phát triển các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và tri thức cao.**- Các nước này chiếm khoảng 70% sản phẩm xuất khẩu của thế giới về dịch vụ viễn thông, máy tính và công nghệ thông tin.* | *- Có trình độ phát triển kinh tế còn thấp.**- Một số nước đang chú trọng phát triển các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ và tri thức cao.* |

**Câu 3:** Trình bày sự khác biệt về một số khía cạnh xã hội giữa các nhóm nước trên thế giới theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhóm nước******Tiêu chí*** | ***Các nước phát triển*** | ***Các nước đang phát triển*** |
| *Dân cư, đô thị hóa* |  |  |
| *Giáo dục và y tế* |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhóm nước******Tiêu chí*** | ***Các nước phát triển*** | ***Các nước đang phát triển*** |
| *Dân cư, đô thị hóa* | *- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp**- Nhiều quốc gia có cơ cấu dân số già, gây ra những vấn đề cần giải quyết về thiếu người lao động và tăng cao chi phí phúc lợi xã hội.**- Quá trình đô thị hóa đã diễn ra từ lâu, tỉ lệ dân thành thị cao, nhiều nước lên đến 90%.**- Chất lượng cuộc sống ở mức cao và rất cao.* | *- Phần lớn các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên vẫn còn cao và đã có xu hướng giảm.**- Cơ cấu dân số trẻ, gây áp lực về vấn đề việc làm.**- Một số nước đang chuyển dịch sang cơ cấu dân số già trong khi kinh tế phát triển còn chậm, gây ra nhiều khó khăn về nguồn lao động..**- Tỉ lệ dân thành thị còn thấp và trình độ đô thị hóa chưa cao nhưng tốc độ đô thị hóa khá nhanh.**- Chất lượng cuộc sống chưa cao.* |
| *Giáo dục và y tế* | *- Có hệ thống giáo dục và y tế phát triển**- Tuổi thọ trung bình cao.* | *- Có hệ thống giáo dục và y tế ngày càng nhiều tiến bộ.**- Số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên và tuổi thọ ngày càng tăng.* |

**Câu 4:** Lập bảng so sánh sự khác nhau về kinh tế và xã hội của hai nhóm nước phát triển và đang phát triển.

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Nhóm nước phát triển*** | ***Nhóm nước đang phát triển*** |
| ***Kinh tế*** | *Quy mô và tốc độ phát triển kinh tế* | *- Quy mô kinh tế lớn và đóng góp lớn vào quy mô kinh tế toàn cầu.**- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ổn định.* | *- Quy mô kinh tế nhỏ và đóng góp không lớn vào quy mô kinh tế toàn cầu (trừ Trung Quốc, Ấn Độ,...).**- Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng khá nhanh.* |
| *Cơ cấu kinh tế* | *- Tiến hành công nghiệp hoá từ sớm và đi đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp.* *- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.**- Ngành dịch vụ có đóng góp nhiều nhất trong GDP.* | *- Hầu hết các nước đang phát triển đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.**- Tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ ngày càng tăng.* |
| *Trình độ phát triển kinh tế* | *- Có trình độ phát triển kinh tế cao.**- Tập trung phát triển các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và tri thức cao.**- Các nước này chiếm khoảng 70% sản phẩm xuất khẩu của thế giới về dịch vụ viễn thông, máy tính và công nghệ thông tin.* | *- Có trình độ phát triển kinh tế còn thấp.**- Một số nước đang chú trọng phát triển các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ và tri thức cao.* |
| ***Xã hội*** | *Dân cư và đô thị hóa* | *- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp**- Nhiều quốc gia có cơ cấu dân số già, gây ra những vấn đề cần giải quyết về thiếu người lao động và tăng cao chi phí phúc lợi xã hội.**- Quá trình đô thị hóa đã diễn ra từ lâu, tỉ lệ dân thành thị cao, nhiều nước lên đến 90%.**- Chất lượng cuộc sống ở mức cao và rất cao.* | *- Phần lớn các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên vẫn còn cao và đã có xu hướng giảm.**- Cơ cấu dân số trẻ, gây áp lực về vấn đề việc làm.**- Một số nước đang chuyển dịch sang cơ cấu dân số già trong khi kinh tế phát triển còn chậm, gây ra nhiều khó khăn về nguồn lao động..**- Tỉ lệ dân thành thị còn thấp và trình độ đô thị hóa chưa cao nhưng tốc độ đô thị hóa khá nhanh.**- Chất lượng cuộc sống chưa cao.* |
| *Giáo dục và y tế* | *- Có hệ thống giáo dục và y tế phát triển**- Tuổi thọ trung bình cao.* | *- Có hệ thống giáo dục và y tế ngày càng nhiều tiến bộ.**- Số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên và tuổi thọ ngày càng tăng.* |

## **3. VẬN DỤNG (4 câu)**

**Câu 1:** Dựa vào bảng số liệu và hình ảnh dưới đây, phân biệt các nước phát triển (Ca-na-đa, Cộng hòa Liên bang Đức) và các nước đang phát triển (Bra-xin, In-đô-nê-xi-a) về các chỉ tiêu GNI/người, cơ cấu kinh tế và HDI.

**Bảng 1. GNI/người, cơ cấu GDP và HDI của một số nước năm 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm nước****Chỉ tiêu** | **Nước phát triển** | **Nước đang phát triển** |
| Ca-na-đa | Cộng hòa Liên bang Đức | Bra-xin | In-đô-nê-xi-a |
| GNI/người (USD/người) | 43 540 | 47 520 | 7 800 | 3 870 |
| Cơ cấu GDP (%) | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 1,7 | 0,7 | 5,9 | 13,7 |
| Công nghiệp, xây dựng | 24,6 | 26,5 | 17,7 | 38,3 |
| Dịch vụ | 66,9 | 63,3 | 62,8 | 44,4 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 6,8 | 9,5 | 13,6 | 3,6 |
| HDI | 0,931 | 0,944 | 0,758 | 0,709 |

*(Nguồn: WB, UN, 2020)*



**Trả lời:**

*\* Về GNI/người:*

*- Các nước phát triển có GNI cao gấp hàng chục lần so với các nước đang phát triển. Cụ thể là:*

*+ Ca-na-đa có GNI năm 2020 là 43540 tỉ USD*

*+ Cộng hòa Liên bang Đức là 47520 tỉ USD.*

*- Các nước đang phát triển*

*+ Bra-xin có GNI năm 2020 chỉ đạt 7800 tỉ USD*

*+ In-đô-nê-xi-a là 3870 tỉ USD.*

*\* Về cơ cấu kinh tế:*

*- Các nước phát triển có tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản rất thấp; ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất. Cụ thể:*

*+ Ở Ca-na-đa, năm 2020: tỉ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 1,7% GDP; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 24,6%; trong khi đó, ngành dịch vụ chiếm 66,9%.*

*+ Ở Cộng hòa Liên bang Đức, năm 2020: ngành nông - lâm - ngư nghiệp chỉ chiếm 0,7%; công nghiệp - xây dựng chiếm 26,5%; dịch vụ chiếm 63,3%.*

*- Phần lớn các nước đang phát triển có tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản khá cao; ngành công nghiệp - xây dựng tỉ trọng đang giảm dần tuy nhiên vẫn còn cao; ngành dịch vụ có xu hướng tăng. Cụ thể:*

*+ Ở Bra-xin, năm 2020: ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 5,9%; công nghiệp - xây dựng chiếm 17,7%; dịch vụ chiếm 62,8%. Có thể thấy, Bra-xin là nước đang phát triển nhưng có cơ cấu kinh tế tương đương với các nước phát triển.*

*+ Ở In-đô-nê-xi-a, năm 2020: ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 13,7%; công nghiệp - xây dựng chiếm 38,3%; dịch vụ chiếm 44,4%.*

*\* Về HDI:*

*- Các nước phát triển có tỉ lệ HDI ở mức cao: Ca-na-đa là 0,931, Cộng hòa Liên bang Đức là 0,944.*

*- Phần lớn các nước đang phát triển tỉ lệ HDI này còn chưa cao. Cụ thể: chỉ số HDI của Bra-xin là 0,758, của In-đô-nê-xi-a là 0,703.*

**Câu 2:** Giải thích lí do vì sao người dân ở các nước phát triển có tuổi thọ trung bình cao?

**Trả lời:**  *Người dân ở các nước phát triển có tuổi thọ trung bình cao vì ở nhóm nước này, chất lượng cuộc sống cao và các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe phát triển.*

**Câu 3:** Vì sao trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển lại có sự khác biệt?

**Trả lời:** *Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển có sự khác biệt là do:*

*- Các nước trên thế giới có sự khác nhau về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội.*

*- Các nhóm nước có sự khác nhau về trình độ khoa học – kĩ thuật, chất lượng nguồn lao động, chất lượng cuộc sống,…*

**Câu 4:** Cho bảng số liệu sau:

**Bảng 2. Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ và Bra-xin năm 2020.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Cơ cấu GDP (%)** |
|  | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| Hoa Kỳ | 0.9 | 18.4 | 80.1 | 0.6 |
| Bra-xin | 5.9 | 17.7 | 62.8 | 9.5 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP của Hoa Kỳ và Bra-xin năm 2020.

b. Nhận xét và giải thích.

**Trả lời:**

*a. Vẽ biểu đồ:*

**

*b. Nhận xét và giải thích:*

*\* Hoa Kỳ: có sự chênh lệch lớn giữa các ngành.*

*- GDP tập trung nhiều ở ngành dịch vụ với 80,1%, tiếp theo là ngành công nghiệp xây dựng với 18,4%.*

*- Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và thuế chỉ chiếm lần lượt 0,9% và 0,6%*

*\* Bra-xin: tỉ trọng GDP không có quá nhiều sự chênh lệch giữa các ngành.*

*- GDP tập trung nhiều ở ngành dịch vụ với 62,8%, tiếp theo là ngành công nghiệp xây dựng với 17,7%.*

*- Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và thuế vẫn chiếm mức cao với 5,9% và 13,6%*

*\* Nguyên nhân:*

*- Các nước phát triển diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp từ rất sớm.*

*- Các nước phát triển có cơ sở vật chất hiện đại, tiên tiến đáp ứng yêu cầu của ngành dịch vụ.*

## **4. VẬN DỤNG CAO (3 câu)**

**Câu 1:** Thu thập tư liệu từ các nguồn khác nhau về GNI/người và HDI của ít nhất một nước đang phát triển và một nước phát triển trong giai đoạn hiện nay.

**Trả lời:**

*\* Chỉ số GNI/ người và HDI của Nhật Bản (nước phát triển):*

*- GNI/người của Nhật Bản năm 2020 là: 42.460 USD*

*- HDI của Nhật Bản năm 2021 là: 0,925*

*\* Chỉ số GNI/ người và HDI của Việt Nam (nước đang phát triển):*

*- GNI/người của Việt Nam năm 2020 là: 8.200 USD*

*- HDI của Việt Nam năm 2021 là: 0,703*

**Câu 2:** Các nước phát triển có cơ cấu dân số già hơn các nước đang phát triển. Giải thích điều đó.

**Trả lời:**

*Các nước phát triển có cơ cấu dân số già vì:*

*- Đời sống vật chất, tinh thần, an sinh xã hội ở các quốc gia phát triển được nâng cao nên tuổi thọ của con người cũng ngày càng được nâng cao.*

*- Xu hướng các cặp vợ chồng không muốn có con hoặc sinh ít con dẫn đến tỉ lệ sinh và tỉ lệ tăng dân số thấp.*

*- Cùng với đó là các trào lưu theo chủ nghĩa độc thân ở giới trẻ ngày nay cũng ngày càng phát triển do nhu cầu học tập, coi trọng sự nghiệp hơn là việc lập gia đình.*

**Câu 3:** Chứng minh rằng trên thế giới, sự bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở nhóm nước đang phát triển, sự già hoá dân số diễn ra chủ yếu ở nhóm nước phát triển?

**Trả lời:**

 *- Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới chủ yếu diễn ra ở các nước đang phát triển. Các nước này chiếm khoảng 80% dân số và 95% số dân gia tăng hàng năm của thế giới. Năm 2020, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình năm của thế giới là 1,2%, các nước phát triển là -0,2% đến 0,3%, các nước đang phát triển là 0,8% đến 1,1%.*

 *- Dân số thế giới đang có xu hướng già đi. Trong cơ cấu theo độ tuổi, tỉ lệ người dưới 15 tuổi ngày càng thấp, tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng cao và tuổi thọ dân số thế giới ngày càng tăng. Dân số của nhóm nước phát triển trong độ tuổi dưới 15 tuổi ít hơn nhóm nước đang phát triển, nhưng độ tuổi 65 trở lên nhiều hơn ở nhóm nước đang phát triển rất nhiều. Theo chỉ tiêu phân loại về dân số, nhóm nước phát triển có dân số già.*